

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-03-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1968; cư trú ấp T, xã Th, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Việt Ch, sinh năm 1968; cư trú ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thu H trình bày yêu cầu:

Năm 1994, bà H và ông Võ Việt Ch chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Trong thời gian sống chung rất hạnh phúc, từ năm 2019 đến nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và bạo lực gia đình, nay hết tình cảm yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con tên Võ Chí C, sinh ngày 06/3/1996 (nam), Võ Chí L, sinh ngày 12/01/2007 (nam). Khi ly hôn C đã trưởng thành sống tự lập nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, L có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Việt Ch trình bày ý kiến:

Ông và bà Nguyễn Thu H tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, không có đăng ký kết hôn, vì chưa am hiểu pháp luật. Vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp, ông không có bạo lực gia đình như trình bày của bà H. Do thường xuyên cãi nhau nên từ tháng 4 năm 2019 sống ly thân đến nay. Nhận thấy hôn nhân không đạt được mục đích nên không thể duy trì, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Có 02 người con tên Võ Chí C, sinh ngày 06/3/1996 (nam), Võ Chí L, sinh ngày 12/01/2007 (nam). Khi ly hôn C đã trưởng thành sống tự lập nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, L có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn; con chung xét nguyện vọng của con, sống chung với ai người đó nuôi không cấp dưỡng; bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Võ Việt Ch có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu H, ông Võ Việt Ch chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống với nhau ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến mất hạnh phúc, ông bà sống ly thân từ giữa tháng 4 năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, bà H yêu cầu ly hôn, ông Ch đồng ý.

Tòa án có tổ chức hòa giải nhưng bà H không đồng ý rút đơn khởi kiện, vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện ly hôn, ông Ch đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Thấy rằng, bà H và ông Ch chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà H và ông Ch không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác định có 02 người con chung là Võ

Chí C, sinh ngày 06/3/1996 (nam), Võ Chí L, sinh ngày 12/01/2007 (nam). C đã trưởng thành sống tự lập hai đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét; cháu L hiện nay sống chung với gia đình, khi ly hôn đề nghị xét nguyện vọng của cháu, sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu L cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu L cho bà H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà H phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Khoản 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thu H và ông Võ Việt Ch.

- Về con chung: Giao cháu Võ Chí L cho bà H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà H phải chịu, bà có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên

lai thu tiền số 0007557 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí bà H đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính